TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08-5-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng;

2. Ông Văn Công Trọn.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Thuý Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hoàng Văn B, sinh năm: 1960; địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm: 1971; địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn ông Hoàng Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Ú sống chung năm 2002, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T theo quy định pháp luật, hiện vợ chồng đã ly thân nhau. Ông cho rằng cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Ú.

Về con chung: Có 01 người con chung là cháu Hoàng Nguyễn Kim N, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2008. Hiện nay cháu đang ở với ông. Nếu ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định tự thoả thuận với bà Ú về tài sản

chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Nguyễn Thị Ú đúng theo quy định pháp luật nhưng bà Ú không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Hoàng Văn B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ú là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Ú có nơi cư trú tại xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Ú đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ những vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt bà Ú theo quy định của pháp luật.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có ông B cung cấp tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ này để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Ông bà tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau vào năm 2002 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Ông Ú nộp đơn ly hôn, bà Ú biết nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tuy là vợ chồng nhưng ông bà sống ly thân một thời gian dài. Điều đó có thể chứng minh tình trạng hôn nhân giữa ông B, bà Ú đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông B được ly hôn với bà Ú.

[5] Về con chung: Ông B, bà Ú có 01 người con chung là Hoàng Nguyễn Kim N, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2008. Cháu N đang sống với ông B. Ông B yêu cầu được ly hôn. Xét thấy trong thời gian ông bà sống ly thân, cháu N vẫn được ông B chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo các điều kiện để cháu được phát triển bình thường. Cháu N có nguyện vọng sống với cha. Áp dụng khoản 02 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu N cho ông B chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Bằng K yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông B xác định ông tự thoả thuận với bà Ú về tài sản chung, không yêu cầu toà án giải quyết, giữa ông bà không có nợ chung nên

Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có phát sinh về tài sản chung, nợ chung thì các bên có quyền khởi kiện thành một vụ án khác theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông B thuộc trường hợp được miễn án phí, ông có đơn xin được miễn án phí nên ông không phải chịu, bà Ú không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Hoàng Văn B ly hôn bà Nguyễn Thị Ú.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Nguyễn Kim N, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2008 cho ông B chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Ú không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Hoàng Văn B được miễn nộp án phí ly hôn.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Việt Thắng **Văn Công Trọn** **Nguyễn Văn Hợp**